

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 19 /2023/ HNGĐ-ST

Ngày: 06-7-2023.

V/v: “Kiện xin ly hôn và tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Loan và bà Nguyễn Thùy Hương;

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án Nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 24/2023/TLST- HNGĐ , ngày 03 tháng 4 năm 2023, về việc xin ly hôn và tranh chấp nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Cao Thị Thùy T, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Q; có mặt.

-Bị đơn: Anh Trần Minh Đ, sinh năm 2000.

Nơi cư trú: Số 152/17, tổ 16, khu phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh B; có đơn xin vắng mặt.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 07/2020, ngày 21/4/2020 của UBND xã H, huyện B, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Cao Thị Thùy T trình bày:

Chị T và anh Đ kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Q vào ngày 21 tháng 4 năm 2020; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Nguyên nhân vì hai vợ chồng khác biệt về văn hóa và khoảng cách địa lý nên phát sinh mâu

thuần, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện tình cảm không còn, không thể hàn gắn được nên chị T xin ly hôn anh Đ.

Hai vợ chồng có một con chung là Trần Hoài A, sinh ngày 25/3/2020; sau ly hôn chị T xin được nuôi con, không yêu cầu anh Đ đóng góp phí tổn nuôi con. Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đ trình bày: Nay chị T ly hôn anh Đ đồng ý ly hôn. Hai vợ chồng có một con chung là Trần Hoài A, sinh ngày 25/3/2020, anh Đ đồng ý giao con cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, chi phí cấp dưỡng nuôi con anh Đ và chị T tự thỏa thuận. Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Tranh chấp phát sinh giữa chị Cao Thị Thùy T và anh Trần Văn Đ là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền của Tòa án Nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Đ đã có đơn trình bày và yêu cầu về việc chị T xin ly hôn anh Đ; Đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách giải quyết vụ án; Đơn yêu cầu xin vắng mặt, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh Đ với lý do anh sống ở tỉnh B, đi lại khó khăn, có tại hồ sơ vụ án. Do vậy, Tòa án Nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Do vậy, căn cứ vào điểm a,b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Chị T và Đ kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Q vào ngày 21/4/2020; đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị sống phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, tình cảm không thể hàn gắn được, nay anh, chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân gia đình, xử cho chị Cao Thị Thùy T được ly hôn anh Trần Minh Đ là có căn cứ.

[3].Về con chung: Hai anh, chị có một con chung là Trần Hoài A, sinh ngày 25/3/2020; chị T trình bày muốn được nuôi con, không yêu cầu anh Đ đóng góp phí tổn nuôi con, chị T cam đoan có đủ điều kiện để nuôi con; anh Đ đồng ý giao con cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng; ý kiến của chị T và anh Đ, cần chấp nhận, giao con cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ. Sau này anh Đ hoặc chị T có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5]. Về án phí: Chị T chịu nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung công quỹ Nhà nước.

[6]. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử, chị Cao Thị Thùy T được ly hôn anh Trần Minh Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Hoài A, sinh ngày 25/3/2020 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Đ không phải đóng góp phí tổn nuôi con.

Sau này chị T hoặc anh Đ có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và phí tổn nuôi con.

Cấm chị T ngăn cản anh Đ quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

4. Về án phí: Chị Cao Thị Thùy T chịu nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) chị T đã nộp theo Biên lai số 0002719 ngày 03 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình; như vậy, chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/7/2023); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch(2)
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- Chị Cao Thị Thùy T;
- Anh Trần Minh Đ;
- Ban Tư pháp xã H;
- Lưu hồ sơ, vpTòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân